

**BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM QUỐC GIA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **121** /VKNQG-KHVT
V/v báo giá các thiết bị chuyên dùng

Hà Nội, ngày **11** tháng **6** năm 2026

Kính gửi: Quý đơn vị

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu,

Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia đề nghị Quý đơn vị có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật báo giá thiết bị theo nội dung như sau:

- Danh mục báo giá: Phụ lục đính kèm.

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển; bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

- Mục đích báo giá: Mua sắm các thiết bị phân tích

- Thời hạn gửi báo giá: 17h00 ngày 19 tháng 06 năm 2026.

- Yêu cầu báo giá: 01 bản chính bằng tiếng Việt.

- Hình thức gửi báo giá: Bản cứng (yêu cầu có chữ ký, đóng dấu đỏ của đơn vị).

- Hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 06 tháng kể từ ngày báo giá.

- Địa điểm nhận báo giá: Phòng Kế hoạch, Vật tư và Công nghệ thông tin - Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia.

Địa chỉ: Số 65 Phạm Thận Duật, Phú Diễn, Hà Nội.

Điện thoại: 024.3933.5736, Email: khvt@nifc.gov.vn

Trân trọng cảm ơn./. *A*

Nơi nhận: *R*

- Như kính gửi;

- Viện trưởng (để b/c);

- Lưu: VT, KHVT, QT.



Lê Thị Phương Thảo

PHỤ LỤC
DANH MỤC MUA SẴM CÁC THIẾT BỊ PHỤC VỤ CÔNG TÁC KIỂM NGHIỆM MẪU
 Kèm theo Công văn số 121 / VKNQG-KHVT ngày 11 / 6 / 2026



TT	Danh mục thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật	Hãng sx	Model	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Máy chính	<p>Máy Digital PCR số kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm các bộ phận sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Máy chính: 01 cái Phần mềm điều khiển và phân tích dữ liệu: 01 bộ Máy tính, máy in: 01 bộ Bộ lưu điện: 01 bộ Bộ phụ kiện: 01 bộ <p>Các bước khuếch đại, đọc tín hiệu và phân tích kết quả trên một máy duy nhất</p> <p>Công suất mẫu ≥ 16 mẫu/dĩa</p> <p>Mẫu được chia nhỏ thành các phản ứng nhỏ ≥ 16.000 vi phản ứng</p> <p>Đĩa chạy mẫu thiết kế linh hoạt (phù hợp sử dụng mẫu từ/mẫu nhiều), số lượng mẫu/dĩa chưa chạy có thể dùng lại cho lần chạy sau</p> <p>Số kênh màu ≥ 4</p> <p>Độ nhạy ≤ 1 đến ≥ 100.000 bản sao</p> <p>Thể tích mẫu đầu vào từ $\leq 12 \mu\text{l}$</p> <p>Lượng mẫu phân tích $\geq 90\%$</p> <p>Thời gian chạy mẫu và phân tích kết quả ≤ 300 phút</p> <p>Có tính năng kiểm soát chất lượng tín hiệu, loại trừ phần vùng không hợp lệ, ngưỡng phân tách tín hiệu âm tính và dương tính, bù nhiễu nền/nhiều chéo hoặc tương đương</p>						
2	Phần mềm điều khiển và phân tích dữ liệu	<p>Hỗ trợ cài đặt, giám sát và phân tích trực quan</p> <p>Mô-đun Bảo mật, Kiểm toán và Chữ Ký điện tử được thiết kế để hỗ trợ tuân thủ các hướng dẫn của 21 CFR</p>						

TT	Danh mục thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật	Hãng sx	Model	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Pipet điện tử đơn kênh	<p>Thể tích: từ $\leq 0,5$ đến $\geq 12,5$ μL</p> <p>Sai số hệ thống/độ đúng của thể tích hút mẫu tại 12,5 μL: $\pm \leq 1,00\%$</p> <p>Sai số ngẫu nhiên/độ lặp lại của thể tích hút mẫu tại 12,5 μL: $\leq 0,40\%$</p>						
II	Hệ thống sắc ký lỏng ghép nối khối phổ nguyên tử nguồn Plasma cảm ứng (LC-ICP-MS)	<p>Hệ thống sắc ký lỏng ghép nối phổ khối nguyên tử nguồn plasma cảm ứng (LC-ICP-MS) kèm bộ phụ kiện tiêu chuẩn gồm các bộ phận sau:</p> <p>1. Hệ thống sắc ký lỏng: 01 hệ thống</p> <p>1.1 Bộ bơm dung môi pha động: 01 bộ</p> <p>1.2 Bộ tiêm mẫu tự động: 01 bộ</p> <p>1.3 Lò cột: 01 cái</p> <p>2. Hệ thống ICP-MS: 01 hệ thống</p> <p>2.1 Hệ thống ICP: 01 hệ thống</p> <p>2.2 Detector khối phổ (MS): 01 hệ thống</p> <p>3. Phần mềm ICP-MS: 01 bộ</p> <p>4. Bơm mẫu tự động cho ICP-MS: 01 bộ</p> <p>5. Bộ làm mát tuần hoàn: 01 bộ</p> <p>6. Bộ hút khí thải: 01 bộ</p> <p>7. Máy tính, máy in: 01 bộ</p> <p>8. Bộ lưu điện: 01 bộ</p> <p>9. Bộ phụ kiện: 01 bộ</p>						
1	Hệ thống sắc ký lỏng							
1.1	Bộ bơm dung môi pha động	<p>Vật liệu chế tạo đường dẫn, đầu bơm, van không chứa kim loại</p> <p>Số kênh dung môi: ≥ 2 kênh</p> <p>Áp suất tối đa: ≥ 5000 psi</p> <p>Tốc độ dòng tối đa: ≥ 10 mL/phút</p> <p>Độ chụm tốc độ dòng: $< 0,1\%$</p>						

TT	Danh mục thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật	Hãng sx	Model	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
		Sau khi bảo trì, cân thời gian ≤ 15 phút để đạt mức cân không ổn định có thể vận hành						
	Giao diện (Interface)	Côn lấy mẫu (sampler cone): chất liệu Nickel, đường kính trong $\geq 1,0$ mm Côn tách chùm ion (skimmer cone): chất liệu Nickel, đường kính trong $\geq 0,5$ mm						
	Hệ truyền dẫn ion	Chức năng lái dòng ion đi theo hướng 90°						
	Buồng va chạm/phản ứng	Có số kênh khí phản ứng/va chạm: ≥ 2 kênh Sử dụng được với các khí khác nhau như He, H ₂ , O ₂						
	Bộ phân tích tứ cực	Dải khối: Từ ≤ 2 đến ≥ 280 amu Tần số: ≥ 2 MHz Độ phân giải khối có thể đạt được: $\leq 0,5$ amu Tốc độ quét tứ cực: ≥ 3700 amu/s Độ ổn định khối: $\leq 0,05$ amu trong ít nhất 8 giờ hoạt động liên tục Độ chụm tỉ lệ đồng vị (107Ag/109Ag): $\leq 0,1\%$ RSD						
2.2	Detector khối phổ (MS)	Ghi nhận đồng thời Pulse/analog						
		Tốc độ thu thập dữ liệu tức thời: ≥ 3.000 điểm dữ liệu/giây						
		Dải động học tối đa: ≥ 10 bậc						
		Độ nhạy						
	Hiệu năng thiết bị ở chế độ tiêu chuẩn	7Li: ≥ 20 Mcps/(mg/L) 115In: ≥ 100 Mcps/(mg/L) 238U: ≥ 80 Mcps/(mg/L)						

TT	Danh mục thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật	Hãng sx	Model	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	Máy in (cấu hình tối thiểu)	<ul style="list-style-type: none"> - Microsoft Windows, Microsoft Office bản quyền - Máy in laser, khổ giấy A4 - Bộ nhớ: $\geq 16\text{MB}$ RAM - Tốc độ in: ≥ 30 trang/phút - Độ phân giải: $\geq 600 \times 600$ - Giao diện: USB/LPT 						
8	Bộ lưu điện	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng cho toàn hệ thống, công suất tối thiểu 10KVA có thể duy trì toàn tải được tối thiểu 30 phút, độ ồn $\leq 55\text{dB}$, điện áp đầu ra 220V - Sử dụng kèm acqui rời. 						
9	Bộ phụ kiện							
	Bình khí	<ul style="list-style-type: none"> Cung cấp kèm ≥ 01 bình khí Heli tinh khiết $\geq 99,999\%$, thể tích 40L, áp suất 150 bar ($\pm 5\%$) kèm 01 van giảm áp. Cung cấp kèm ≥ 01 bình khí Oxy, độ tinh khiết 99,999%, thể tích 40L áp suất 150 bar ($\pm 5\%$) kèm 01 van giảm áp. Cung cấp kèm ≥ 08 Bình khí Argon tinh khiết $\geq 99,999\%$, thể tích 50 lít, áp suất 200 bar ($\pm 5\%$) Cung cấp ≥ 01 Bộ kit ghép nối giữa sắc ký và ICP-MS: gồm tất cả các đường nối dẫn mẫu và tín hiệu điện tử kết nối tự động hệ thống sắc ký với ICP-MS. Toàn bộ vật liệu tiếp xúc dung môi và mẫu đang trợ, không chứa kim loại. 						
		<ul style="list-style-type: none"> Phần mềm kết nối giữa sắc ký và ICP-MS: có thể kết nối giữa hệ thống sắc ký và ICP-MS, thiết lập phương pháp phân tích và xử lý dữ liệu, báo cáo kết quả phân tích 						

TT	Danh mục thiết bị	Cấu hình, thông số kỹ thuật	Hãng sx	Model	ĐVT	SL	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)
	thước phù hợp đặt toàn bộ hệ thống							

Yêu cầu chung:

- Máy mới 100%, sản xuất từ năm 2026 trở đi.
- Môi trường làm việc: Nhiệt độ tối đa $\geq 30^{\circ}\text{C}$, độ ẩm tối đa $\geq 80\%$.
- Sử dụng nguồn điện 220V/ 50 Hz ($\pm 10\%$).

Yêu cầu khác:

- Đào tạo cho tối thiểu 02 cán bộ của Viện sử dụng thành thạo và bảo trì được hệ thống máy tại Viện. Sau đào tạo có chứng nhận đào tạo.
- Bảo giá trọn gói đến nơi sử dụng, bao gồm giá thiết bị, phí vận chuyển lắp đặt, đào tạo, bảo hành và các loại phí, thuế khác (nếu có).
- Giao hàng và lắp đặt tại nơi sử dụng (phòng thí nghiệm), có đủ các phụ kiện để máy có thể vận hành ngay sau khi giao hàng.
- Thời gian giao hàng: ≤ 120 ngày.
- Thời gian bảo hành ≥ 12 tháng.
- Nhà thầu phải cam kết cung cấp dịch vụ bảo trì /hiệu chuẩn theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Trong thời gian bảo hành, cán bộ kỹ thuật của Nhà thầu sẽ có mặt trong vòng 48 giờ sau khi nhận được thông báo về sự cố của thiết bị để giải quyết và khắc phục sự cố.
- Nhà thầu phải cam kết cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất trong thời gian bảo hành với tần suất năm/1 lần. Sau thời gian bảo hành cam kết cung cấp dịch vụ bảo trì, sửa chữa trong trường hợp có sự cố với chi phí ưu đãi nhất.
- Cung cấp 01 bộ tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt.
- Cung cấp chứng chỉ chất lượng IQ, OQ và hồ trợ PQ sau khi lắp đặt, chạy thử.
- Cam kết cung cấp giấy chứng chỉ chất lượng (CQ) và xuất xứ (CO) khi giao hàng.